

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

Báo cáo tài chính độc lập riêng

Báo cáo tài chính hợp nhất độc lập riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

**Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
(đã được kiểm toán)**

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02-03
Báo cáo của Ban Giám đốc	03
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	03-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10
Báo quyết định báo cáo tài chính riêng	11-12

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG
Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
(đã được kiểm toán)



Địa chỉ: Số 225 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp HCM

NỘI DUNG Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-04
Báo cáo kiểm toán	05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán riêng	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11-22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chương Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Chương Dương là Công ty Cổ phần, được chuyển đổi từ Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1589/QĐ-BXD ngày 20/11/2003 của Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 thành Công ty cổ phần. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002011 ngày 29/12/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07/10/2011 với số đăng ký kinh doanh là 0303146167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay; Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện từ 0,4KV đến 110KV;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đóng và ép cọc; Sản xuất, kinh doanh cấu kiện kim loại theo tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn;
- Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng; Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp; Thiết kế, chế tạo, gia công và lắp đặt thiết bị áp lực và thiết bị nâng; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội, ngoại thất công trình; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng; Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thi công lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản. Tư vấn, môi giới bất động sản. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở). Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. kinh doanh bất động sản. Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính kế toán). Giáo dục mầm non. Giáo dục tiểu học. Giáo dục trung học cơ sở (không hoạt động tại trụ sở).

Trụ sở chính của Công ty tại số 225 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 là 149.587.330.000 đồng, tổng số cổ phần là 14.958.733 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Đến thời điểm ngày 31/12/2011, Công ty có 05 Công ty con và 01 Công ty liên kết, cụ thể:

Các Công ty con

Tên	Vốn điều lệ	Vốn thực góp tại 31/12/2011	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Chương Dương số 1	2.000.000.000	1.300.000.000	65,00%
Công ty TNHH Thương mại Chương Dương	20.000.000.000	20.000.000.000	100,00%
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Chương Dương	1.000.000.000	128.908.967	12,89%
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Thuận Thành Phát	150.000.000.000	133.406.433.686	88,94%
Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Sài Gòn	2.000.000.000	132.926.281	6,65%

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tháp Nam Việt	5.000.000.000	1.300.000.000	26,00%
-------------------------------	---------------	---------------	--------

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

Địa chỉ: Số 225 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp HCM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Trần Mai Cường	Chủ tịch
Ông Văn Minh Hoàng	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Trung Chính	Thành viên
Ông Thái Văn Thọ	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đạt	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Mai Cường	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/10/2011
Ông Lê Văn Chính	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/10/2011
Ông Thái Văn Thọ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Văn Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng bao gồm

Ông Lê Hữu Hòa	Trưởng ban	
Ông Phạm Văn Hợi	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên	
Ông Văn Minh Hoàng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 08/3/2011
Ông Vũ Sinh Thiện	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 08/3/2011

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA).

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

Địa chỉ: Số 225 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp HCM

- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty CP Chương Dương phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban

Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Mai Cường

NGUYỄN BẢO TRUNG

Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0173/KTV

Ông viết và đại diện cho

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ

KIỂM TOÁN VIỆT NAM (ATA)

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2012

NGUYỄN VIỆT LONG

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0173/KTV

Số: 1518/BCKT/TC/NV5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính riêng năm 2011 của Công ty Cổ phần Chương Dương

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chương Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng năm 2011 của Công ty Cổ phần Chương Dương được lập ngày 09/02/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

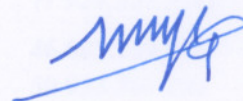
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chương Dương tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan.



NGUYỄN BẢO TRUNG

Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0373/KTV



NGUYỄN VIỆT LONG

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0692/KTV

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ
KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		453.213.539.707	428.359.959.139
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.740.299.897	24.292.555.330
1. Tiền	111	V.01	7.740.299.897	24.292.555.330
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	3.905.434.900	20.313.229.600
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.894.428.209	22.134.478.209
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		(2.988.993.309)	(1.821.248.609)
III. Các khoản phải thu	130		211.705.410.611	185.324.025.898
1. Phải thu của khách hàng	131		167.253.398.927	163.298.635.691
2. Trả trước cho người bán	132		53.955.139.203	29.744.689.907
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	1.316.424.021	893.953.850
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(10.819.551.540)	(8.613.253.550)
IV. Hàng tồn kho	140		212.927.302.275	184.239.857.741
1. Hàng tồn kho	141	V.04	212.927.302.275	184.239.857.741
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.935.092.024	14.190.290.570
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	16.935.092.024	14.190.290.570
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		230.974.299.444	217.445.583.533
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		24.158.022.739	27.375.823.995
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	21.395.502.677	24.378.961.537
- Nguyên giá	222		58.416.763.821	59.598.349.658
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(37.021.261.144)	(35.219.388.121)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	2.762.520.062	2.996.862.458
- Nguyên giá	228		4.686.848.000	4.686.848.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(1.924.327.938)	(1.689.985.542)
III. Bất động sản đầu tư	240	V.08	46.081.759.874	48.531.749.023
- Nguyên giá	241		50.953.767.209	52.257.110.810
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(4.872.007.335)	(3.725.361.787)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	159.024.790.628	139.884.116.637
1. Đầu tư vào công ty con	251		154.968.268.934	134.084.116.637
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.300.000.000	1.300.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		4.500.000.000	4.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(1.743.478.306)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.709.726.203	1.653.893.878
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.657.068.203	1.405.944.418
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.11	52.658.000	247.949.460
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		684.187.839.151	645.805.542.672

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		433.414.720.517	399.706.878.137
I. Nợ ngắn hạn	310		377.040.833.672	340.881.001.235
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	172.916.480.136	144.531.343.618
2. Phải trả người bán	312		73.594.007.847	96.444.703.850
3. Người mua trả tiền trước	313		28.137.421.939	9.079.038.064
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	24.279.565.551	27.571.691.353
5. Phải trả công nhân viên	315		2.602.541.335	4.432.967.291
6. Chi phí phải trả	316	V.14	37.398.152.593	33.830.078.663
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	36.574.941.563	22.511.255.688
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.537.722.708	2.479.922.708
II. Nợ dài hạn	330		56.373.886.845	58.825.876.902
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.16	6.176.984.770	6.992.818.214
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	50.007.400.000	51.742.119.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		189.502.075	90.939.688
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		250.773.118.634	246.098.664.535
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	250.773.118.634	246.098.664.535
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		149.587.330.000	124.657.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		77.142.009.600	77.142.009.600
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.015.010.370	13.480.100.370
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.387.063.890	5.387.063.890
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		17.641.704.774	25.432.340.675
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ xếp hạng doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		684.187.839.151	645.805.542.672

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	007			
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

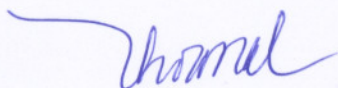
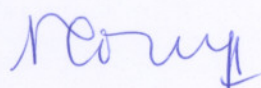
Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Hồng Nga

Văn Minh Hoàng

Trần Mai Cường

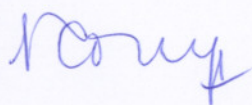
BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.19	252.283.226.487	376.622.208.307
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		252.283.226.487	376.622.208.307
4. Giá vốn hàng bán	11	V.20	213.239.066.277	319.871.881.240
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.044.160.210	56.750.327.067
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.21	2.282.483.075	2.945.901.924
7. Chi phí tài chính	22	V.22	10.677.396.095	11.398.800.353
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.562.395.105	10.098.152.553
8. Chi phí bán hàng	24		754.265.056	126.773.899
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.343.232.503	11.392.824.362
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.551.749.631	36.777.830.377
11. Thu nhập khác	31		1.440.571.061	846.097.205
12. Chi phí khác	32		144.444.690	838.034.882
13. Lợi nhuận khác	40		1.296.126.371	8.062.323
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.847.876.002	36.785.892.700
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.23	5.674.104.876	9.309.920.538
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		17.173.771.126	27.475.972.162
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.18.4	1.300	2.443

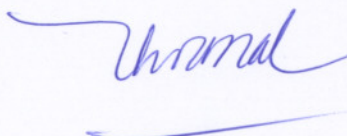
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu



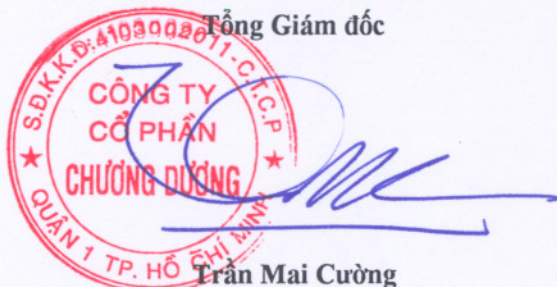
Bùi Thị Hồng Nga

Kế toán trưởng



Văn Minh Hoàng

Tổng Giám đốc



Trần Mai Cường

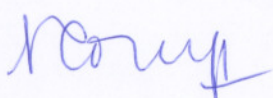
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2011

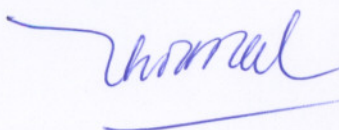
Chi tiêu	Năm 2011	Đơn vị tính: VND Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	(27.213.934.302)	(7.015.505.179)
1. Lợi nhuận trước thuế	22.847.876.002	36.785.892.700
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	4.477.630.650	5.584.839.686
- Các khoản dự phòng	3.114.649.706	346.782.403
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	(349.126.119)	26.908.967
- Chi phí lãi vay	7.562.395.105	(10.098.152.553)
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	37.653.425.344	32.646.271.203
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(31.301.049.844)	28.905.721.268
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(28.687.444.534)	(46.404.602.005)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	12.672.861.248	(9.594.498.348)
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	(251.123.785)	5.869.358.932
- Tiền lãi vay đã trả	(7.562.395.105)	(10.098.152.553)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(10.347.341.262)	(7.973.226.968)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.354.635.931	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(745.502.295)	(366.376.708)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	(3.523.023.649)	(146.882.211.223)
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(130.421.363)	(7.671.417.479)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	366.363.636	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(27.000.000.000)	(12.451.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	42.301.500.000	348.338.082
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(20.945.602.297)	(127.108.631.826)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.885.136.375	1.000.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	14.184.702.518	139.493.433.984
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	82.199.840.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	302.269.867.992	260.076.884.539
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(275.619.450.474)	(190.317.575.555)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(12.465.715.000)	(12.465.715.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(16.552.255.433)	(14.404.282.418)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	24.292.555.330	38.696.837.748
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	7.740.299.897	24.292.555.330

Người lập biểu



Bùi Thị Hồng Nga

Kế toán trưởng



Văn Minh Hoàng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc



Trần Mai Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chương Dương là Công ty cổ phần, được chuyển đổi từ Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1589/QĐ-BXD ngày 20/11/2003 của Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 thành Công ty cổ phần. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002011 ngày 29/12/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07/10/2011 với số đăng ký kinh doanh là 0303146167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 225 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện từ 0,4KV đến 110KV;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đóng và ép cọc; Sản xuất, kinh doanh cấu kiện kim loại theo tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn;
- Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng; Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp; Thiết kế, chế tạo, gia công và lắp đặt thiết bị áp lực và thiết bị nâng; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội, ngoại thất công trình; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng; Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thi công lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản. Tư vấn, môi giới bất động sản. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở). Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. kinh doanh bất động sản. Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính kế toán). Giáo dục mầm non. Giáo dục tiểu học. Giáo dục trung học cơ sở (không hoạt động tại trụ sở).

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc. Các Xí nghiệp của Công ty hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các Xí nghiệp. Doanh thu, chi phí và số dư công nợ giữa Văn phòng Công ty và các Xí nghiệp được loại trừ hoàn toàn khi lập Báo cáo tài chính riêng;

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên;

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó. Khi thanh lý, bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ;

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán;

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng, mức trích khấu hao đối với nhà là 30 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư;

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là tương đương tiền;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán, là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”;

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu

hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn, lợi thế thương mại được phân bổ dần từ 2 đến 10 năm vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thoả mãn các điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 . Tiền		Ngày 31/12/2011		Ngày 01/01/2011	
		VND		VND	
Tiền mặt tại quỹ		1.162.998.020		9.049.107.375	
Tiền gửi ngân hàng		6.577.301.877		15.243.447.955	
Cộng		7.740.299.897		24.292.555.330	

2 . Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		Ngày 31/12/2011		Ngày 01/01/2011	
		VND		VND	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn		4.826.428.209		4.764.978.209	
- Cty CP Chứng khoán Sài Gòn	8.000	374.935.000	8.000	374.935.000	
- Cty CP Cơ điện lạnh Việt Nam	14.960	492.984.000	14.960	492.984.000	
- Cty CP Cấp và Vật liệu viễn thông	3.600	176.642.000	3.600	176.642.000	
- N/hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	33.300	551.283.724	28.957	507.853.724	
- Cty CP Phân đạm và Hóa chất dầu khí	5.000	239.979.000	5.000	239.979.000	
- TCT Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	4.050	112.053.250	4.050	112.053.250	
- Cty CP Xi măng Bim Sơn	5.000	87.718.750	5.000	87.718.750	
- N/hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	14.400	341.476.800	14.400	341.476.800	
- Cty CP Xi măng Hoàng Mai	6.000	105.289.800	6.000	105.289.800	
- Cty CP Đầu tư TM Thủy sản	4.730	92.551.230	4.730	92.551.230	
- Cty CP Nhiệt điện Phả Lại	3.000	86.659.200	3.000	86.659.200	
- TCT CP Tài chính Dầu khí Việt Nam	20.400	673.329.125	17.000	673.329.125	
- Cty CP Vận tải Dầu khí	23.100	328.127.630	23.100	328.127.630	
- TCT CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.699	36.989.700	3.699	36.989.700	
- N/hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	24.000	666.884.000	24.000	666.884.000	
- Cty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	6.000	156.315.000	6.000	156.315.000	
- N/hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	7.265	303.210.000	5.463	285.190.000	
Đầu tư trái phiếu ngắn hạn		68.000.000		68.000.000	
- Cty CP Cơ điện lạnh Việt Nam	68	68.000.000	68	68.000.000	
Đầu tư ngắn hạn khác		2.000.000.000		17.301.500.000	
- Ngân hàng NN & PTNT Chi Nhánh 11		-		15.000.000.000	
- Ngân hàng NN & PTNT VN Chi Nhánh 4		2.000.000.000		2.000.000.000	
- Ngân hàng Quân đội PGD Calmette		-		301.500.000	
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn		(2.988.993.309)		(1.821.248.609)	
Cộng		3.905.434.900		20.313.229.600	

3 . Các khoản phải thu khác		Ngày 31/12/2011		Ngày 01/01/2011	
		VND		VND	
Phải thu khác		1.316.424.021		893.953.850	
- Ứng trước các khoản phải trả		162.147.613		304.055.609	
- Phải thu khác		1.154.276.408		589.898.241	
Cộng		1.316.424.021		893.953.850	

4 . Hàng tồn kho		Ngày 31/12/2011		Ngày 01/01/2011	
		VND		VND	
Nguyên liệu, vật liệu		4.263.539.075		3.033.720.534	
Công cụ, dụng cụ		393.399.740		417.129.657	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		208.270.363.460		180.789.007.550	
Cộng		212.927.302.275		184.239.857.741	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

Địa chỉ: Số 225 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

5 . Tài sản ngắn hạn khác

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	16.554.276.378	13.840.909.237
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	380.815.646	349.381.333
Cộng	16.935.092.024	14.190.290.570

6 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	15.030.856.301	23.834.903.817	19.575.084.653	1.157.504.887	59.598.349.658
Số tăng trong năm	-	63.000.000	-	67.421.363	130.421.363
- Mua trong năm	-	63.000.000	-	67.421.363	130.421.363
Số giảm trong năm	-	124.408.500	1.187.598.700	-	1.312.007.200
- Thanh lý, nhượng bán	-	124.408.500	1.187.598.700	-	1.312.007.200
Số dư cuối năm	15.030.856.301	23.773.495.317	18.387.485.953	1.224.926.250	58.416.763.821
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.997.030.606	16.456.678.285	9.985.095.904	780.583.326	35.219.388.121
Số tăng trong năm	600.826.992	1.223.114.963	1.159.393.772	113.306.979	3.096.642.706
- Khấu hao trong năm	600.826.992	1.223.114.963	1.159.393.772	113.306.979	3.096.642.706
Số giảm trong năm	-	124.408.500	1.170.361.183	-	1.294.769.683
- Thanh lý, nhượng bán	-	124.408.500	1.170.361.183	-	1.294.769.683
Số dư cuối năm	8.597.857.598	17.555.384.748	9.974.128.493	893.890.305	37.021.261.144
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	7.033.825.695	7.378.225.532	9.589.988.749	376.921.561	24.378.961.537
Tại ngày cuối năm	6.432.998.703	6.218.110.569	8.413.357.460	331.035.945	21.395.502.677

7 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	4.686.848.000	-	4.686.848.000
Số dư cuối năm	4.686.848.000	-	4.686.848.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.689.985.542	-	1.689.985.542
Số tăng trong năm	234.342.396	-	234.342.396
- Khấu hao trong năm	234.342.396	-	234.342.396
Số dư cuối năm	1.924.327.938	-	1.924.327.938
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	2.996.862.458	-	2.996.862.458
Tại ngày cuối năm	2.762.520.062	-	2.762.520.062

8 . Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá BĐS đầu tư	52.257.110.810	-	1.303.343.601	50.953.767.209
Nhà và quyền sử dụng đất	52.257.110.810	-	1.303.343.601	50.953.767.209
II. Giá trị hao mòn lũy kế	3.725.361.787	1.146.645.548	-	4.872.007.335
Nhà và quyền sử dụng đất	3.725.361.787	1.146.645.548	-	4.872.007.335
III. Giá trị còn lại	48.531.749.023	-	-	46.081.759.874
Nhà và quyền sử dụng đất	48.531.749.023	-	-	46.081.759.874

9 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		Ngày 31/12/2011 VND		Ngày 01/01/2011 VND
	Tỷ lệ góp vốn/vốn điều lệ	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn/vốn điều lệ	Giá trị
Đầu tư vào Công ty con		154.968.268.934		134.084.116.637
- Cty TNHH TM Chương Dương	100,0%	20.000.000.000	100,0%	20.000.000.000
- Cty TNHH XD Chương Dương số 1	65,0%	1.300.000.000	65,0%	1.300.000.000
- Cty TNHH ĐT XD Chương Dương	12,89%	128.908.967	12,89%	128.908.967
- Cty TNHH XD TM Thuận Thành Phát	88,94%	133.406.433.686	75,01%	112.522.281.389
- Cty TNHH XD Chương Dương Sài Gòn	6,65%	132.926.281	6,65%	132.926.281
Đầu tư vào Công ty liên kết		1.300.000.000		1.300.000.000
- Cty CP Tháp Nam Việt	26,00%	1.300.000.000	26,00%	1.300.000.000
Đầu tư dài hạn khác		4.500.000.000		4.500.000.000
- Cty CP Thủy điện Srok Miêng IDICO		500.000.000		500.000.000
- Cty CP BOT cầu Đồng Nai		4.000.000.000		4.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(1.743.478.306)		-
Cộng		159.024.790.628		139.884.116.637

Danh sách các công ty con, công ty liên doanh, liên kết quan trọng

Tên công ty	Quan hệ	Vốn điều lệ	Vốn góp theo mệnh giá đến 31/12/2011	Tỷ lệ góp
Cty TNHH TM Chương Dương ⁽¹⁾	Công ty con	20.000.000.000	20.000.000.000	100,00%
Cty TNHH XD Chương Dương số 1 ⁽²⁾	Công ty con	2.000.000.000	1.300.000.000	65,00%
Cty TNHH ĐT XD Chương Dương ⁽³⁾	Công ty con	1.000.000.000	128.908.967	12,89%
Cty TNHH XD TM Thuận Thành Phát ⁽⁴⁾	Công ty con	150.000.000.000	133.406.433.686	88,94%
Cty TNHH XD Chương Dương Sài Gòn ⁽⁵⁾	Công ty con	2.000.000.000	132.926.281	6,65%
Cty CP Tháp Nam Việt ⁽⁶⁾	Công ty liên kết	5.000.000.000	1.300.000.000	26,00%

⁽¹⁾ Vốn điều lệ của Công ty TNHH TM Chương Dương theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn của Công ty chiếm 100% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31/12/2011 Công ty đã góp đủ vốn.

⁽²⁾ Vốn điều lệ của Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương số 1 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 2.000.000.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn của Công ty chiếm 65% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31/12/2011 Công ty đã góp đủ vốn.

⁽³⁾ Vốn điều lệ của Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Chương Dương theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.000.000.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn của Công ty chiếm 80% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31/12/2011 Công ty đã góp 128.908.967 đồng, chiếm 12,89% vốn điều lệ và chiếm tỷ lệ 88,96% vốn thực góp.

⁽⁴⁾ Vốn điều lệ của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thuận Thành Phát theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150.000.000.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn của Công ty chiếm 93,3% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31/12/2011 Công ty đã góp 133.406.433.686 đồng, chiếm 88,94% vốn điều lệ.

⁽⁵⁾ Vốn điều lệ của Công ty TNHH Chương Dương Sài Gòn theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 2.000.000.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn của Công ty chiếm 90% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31/12/2011 Công ty đã góp 132.926.281 đồng, chiếm 6,65% vốn điều lệ và chiếm tỷ lệ 100% số vốn thực góp.

⁽⁶⁾ Vốn điều lệ của Công ty CP Tháp Nam Việt theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 5.000.000.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn của Công ty chiếm 30% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31/12/2011 Công ty đã góp 1.300.000.000 đồng chiếm 40,86% số vốn thực tế đã góp và chiếm 26% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

Địa chỉ: Số 225 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

10 . Chi phí trả trước dài hạn

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	1.577.068.203	1.285.944.418
Lợi thế doanh nghiệp	80.000.000	120.000.000
Cộng	1.657.068.203	1.405.944.418

11 . Tài sản dài hạn khác

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	52.658.000	247.949.460
Cộng	52.658.000	247.949.460

12 . Vay và nợ ngắn hạn

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	172.916.480.136	144.479.743.618
- Ngân hàng ĐT & PT tỉnh Đồng Nai ⁽¹⁾	34.430.978.100	34.479.743.618
- Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 3 ⁽²⁾	8.180.794.000	10.000.000.000
- Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 11 ⁽³⁾	38.904.708.036	30.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ⁽⁴⁾	91.400.000.000	70.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	51.600.000
Cộng	172.916.480.136	144.531.343.618

⁽¹⁾ Vay Ngân hàng ĐT & PT tỉnh Đồng Nai, lãi suất khoảng 18%/năm. Tài sản thế chấp là nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công trình, quyền phải thu khối lượng công trình. Mục đích vay để thanh toán tiền mua vật tư, khối lượng xây lắp và trả tiền lương công nhân công trình, thời hạn vay là 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

⁽²⁾ Vay Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 3, lãi suất 19%/năm. Tài sản thế chấp là Bất động sản tại địa chỉ số 100/6 đường Lê Thị Hồng Gấm, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp HCM. Mục đích vay để thanh toán tiền khối lượng thi công xây lắp, thời hạn vay là 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

⁽³⁾ Vay Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 11, lãi suất 19%/năm. Mục đích vay để thanh toán tiền vật tư và khối lượng các gói thầu của dự án khu chung cư cao tầng Tân Hương, thời hạn vay là 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

⁽⁴⁾ Vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín, lãi suất 22,5%/năm. Tài sản thế chấp là 02 Bất động sản tọa lạc tại 225 Bến Chương Dương, quận 1, Tp Hồ Chí Minh. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động xây dựng và hoạt động cho thuê văn phòng.

13 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	10.894.229.877	9.232.338.456
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.156.598.498	17.829.834.884
Thuế thu nhập cá nhân	223.160.867	356.643.829
Các loại thuế khác	5.576.309	152.874.184
Cộng	24.279.565.551	27.571.691.353

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . Chi phí phải trả

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí phải trả khối lượng các công trình	37.398.152.593	33.830.078.663
Cộng	37.398.152.593	33.830.078.663

15 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.544.299.105	1.306.935.324
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.357.875.887	163.835.816
Các khoản phải trả, phải nộp khác	33.672.766.571	21.040.484.548
- Phải trả tạm ứng	7.753.393.351	9.668.496.271
- Phải trả khác	25.919.373.220	11.371.988.277
Cộng	36.574.941.563	22.511.255.688

16 . Phải trả dài hạn khác

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	6.176.984.770	6.992.818.214
Cộng	6.176.984.770	6.992.818.214

17 . Vay dài hạn và nợ dài hạn

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	50.007.400.000	51.742.119.000
- Công ty Tài chính Cao Su ⁽¹⁾	50.000.000.000	50.000.000.000
- Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 11	-	1.683.119.000
- Ngân hàng VID Public - Chi nhánh Tp HCM	7.400.000	59.000.000
Cộng	50.007.400.000	51.742.119.000

⁽¹⁾ Vay Công ty Tài chính Cao Su, lãi suất 21,5%/năm. Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dự án khu chung cư cao tầng Tân Hương. Mục đích vay là đầu tư dự án khu chung cư cao tầng Tân Hương.

18 Vốn chủ sở hữu

18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của CSH ⁽¹⁾	124.657.150.000	24.930.180.000	-	149.587.330.000
Thặng dư vốn cổ phần	77.142.009.600	-	-	77.142.009.600
Quỹ đầu tư phát triển	13.480.100.370	-	12.465.090.000	1.015.010.370
Quỹ dự phòng tài chính	5.387.063.890	-	-	5.387.063.890
LN chưa phân phối	25.432.340.675	17.173.771.126	24.964.407.027	17.641.704.774
Cộng	246.098.664.535	42.103.951.126	37.429.497.027	250.773.118.634

⁽¹⁾ Tăng vốn trong kỳ từ quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối năm 2010.

18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
		VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	23,77%	35.555.700.000	29.629.760.000
Vốn góp của cổ đông khác	76,23%	114.031.630.000	95.027.390.000
Cộng	100,00%	149.587.330.000	124.657.150.000

18.3. Cổ phiếu

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.958.733	12.465.715
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.958.733	12.465.715
- Cổ phiếu phổ thông	14.958.733	12.465.715
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.958.733	12.465.715
- Cổ phiếu phổ thông	14.958.733	12.465.715
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

18.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.173.771.126	27.475.972.162
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán để xác định LN hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.173.771.126	27.475.972.162
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.213.621	11.246.951
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.300	2.443

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**19 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu xây lắp	170.312.202.153	290.245.216.727
Doanh thu bán nhà	33.015.187.632	41.323.912.713
Doanh thu kinh doanh vật tư	13.562.435.844	11.101.469.651
Doanh thu kinh doanh dịch vụ	35.393.400.858	32.419.027.316
Khác	-	1.532.581.900
Cộng	252.283.226.487	376.622.208.307

20 . Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn xây lắp	162.427.631.700	277.979.958.528
Giá vốn bán nhà	27.305.430.242	16.975.169.804
Giá vốn kinh doanh vật tư	11.196.712.324	11.855.027.902
Giá vốn kinh doanh dịch vụ	12.309.292.011	12.770.974.926
Giá vốn khác	-	290.750.080
Cộng	213.239.066.277	319.871.881.240

21 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi	1.885.136.375	2.200.006.144
Lãi chuyển nhượng chứng khoán	245.890.200	597.721.780
Cổ tức, LN được chia	151.456.500	148.174.000
Cộng	2.282.483.075	2.945.901.924

22 . Chi phí tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	7.562.395.105	10.098.152.553
Chi phí kinh doanh chứng khoán	351.284	569.436.482
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	3.114.649.706	731.211.318
Cộng	10.677.396.095	11.398.800.353

23 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên TN chịu thuế trong năm hiện hành	5.674.104.876	9.309.920.538
Cộng	5.674.104.876	9.309.920.538

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
1	Công ty TNHH Thương mại Chương Dương	Công ty con	Công ty mua vật tư	32.599.936.917
			Công ty cho thuê Văn phòng	252.569.488
2	Công ty TNHH Chương Dương số 1	Công ty con	Công ty nhận công trình hoàn thành	6.358.792.937
			Công ty trả tiền khối lượng	6.040.000.000
3	Công ty TNHH Tư vấn ĐTXD Chương Dương	Công ty con	Công ty nhận công trình hoàn thành	3.822.444.565
4	Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Sài Gòn	Công ty con	Công ty nhận công trình hoàn thành	3.196.631.908
			Công ty trả tiền khối lượng	4.643.880.000
			Bán vật tư, dịch vụ	388.825.864
			Lãi cho vay	140.883.145
			Công ty cho thuê Văn phòng	2.201.232
5	Công ty TNHH Xây dựng thương mại Thuận Thành Phát	Công ty con	Góp vốn	20.884.152.297
			Vay tiền	12.851.719.497

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả)
1	Công ty TNHH Thương mại Chương Dương	Công ty con	Mua vật tư	(24.017.857.934)
2	Công ty TNHH Chương Dương số 1	Công ty con	Xây lắp công trình	3.618.759.595
3	Công ty TNHH Tư vấn ĐTXD Chương Dương	Công ty con	Tư vấn, thiết kế	512.645.159
4	Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Sài Gòn	Công ty con	Xây lắp công trình	1.905.402.230
5	Công ty TNHH Xây dựng thương mại Thuận Thành Phát	Công ty con	Vay tiền	(12.851.719.497)

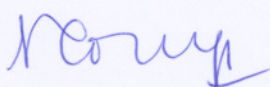
Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Số liệu so sánh

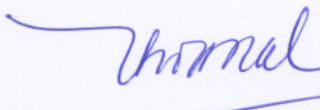
Số dư đầu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 chuyển sang ngày 01/01/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

Người lập biểu



Bùi Thị Hồng Nga

Kế toán trưởng



Văn Minh Hoàng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc



Trần Mai Cường